

Số:06/TB-MPC26

Cà Mau, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Công Ty Mẹ năm 2025

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày:
..30./03/2026 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Công ty mẹ năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 6103000072

ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là 'Sở Tài chính') Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 2000393273

ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 24 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là "Sở Kế hoạch và Đầu tư") Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Quang
Ông Lê Văn Điệp
Ông Phan Thanh Lộc
Bà Hồ Thu Lê
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Ông Sasaki Takahiro
Ông Suzuki Yoshiaki
Bà Lê Thị Dịu Minh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Điệp
Ông Lê Ngọc Anh
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Chu Hồng Hà
Ông Suzuki Yoshiaki

Bà Lê Thị Minh Phú
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Tsunoda Norihisa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh Bà Lâm Thị Thúy Kiều Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00694-26-1



Triệu Tồn Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.307.453.558.135	2.816.960.941.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	131.757.829.026	349.195.011.952
Tiền	111		109.757.829.026	61.195.011.952
Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	288.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	5.535.941.176	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.535.941.176)	(5.580.753.017)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.502.158.673.735	1.274.269.157.666
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.964.414.323.583	997.127.050.609
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	58.789.628.046	42.713.614.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	329.620.000.000	170.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	160.137.271.794	73.213.988.307
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(10.802.549.688)	(9.485.495.710)
Hàng tồn kho	140	10	1.432.961.845.195	1.107.284.399.614
Hàng tồn kho	141		1.462.812.914.877	1.107.284.399.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.851.069.682)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		240.575.210.179	82.986.336.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.340.020.720	3.602.036.750
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	231.644.028.209	74.540.245.805
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	4.591.161.250	4.844.053.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.428.344.054.114	4.677.392.320.146
Tài sản cố định	220		208.861.218.508	214.198.579.977
Tài sản cố định hữu hình	221	11	192.322.043.414	197.880.031.849
Nguyên giá	222		653.906.381.199	634.051.735.152
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(461.584.337.785)	(436.171.703.303)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.539.175.094	16.318.548.128
Nguyên giá	228		37.730.181.130	35.848.801.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.191.006.036)	(19.530.253.002)
Tài sản dở dang dài hạn	240		107.231.326.191	82.611.181.002
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	107.231.326.191	82.611.181.002
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.082.039.180.940	4.346.485.153.270
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	5.953.112.034.231	5.921.502.034.231
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.881.472.853.291)	(1.590.416.880.961)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	6.500.000.000	11.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		30.212.328.475	34.097.405.897
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.480.027.678	33.577.587.764
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.732.300.797	519.818.133
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.735.797.612.249	7.494.353.261.928

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		3.427.731.674.757	2.399.917.252.003
Nợ ngắn hạn	310		3.427.731.674.757	2.399.917.252.003
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	893.153.718.098	127.153.479.900
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		116.824.117.024	231.646.292.794
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	2.706.285.163	9.342.099.886
Phải trả người lao động	314		63.444.320.716	56.958.161.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.906.602.814	2.426.725.516
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.897.658.262	299.408.566.563
Vay ngắn hạn	320	19	2.339.424.500.265	1.627.445.939.754
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	3.374.472.415	45.535.986.569
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.308.065.937.492	5.094.436.009.925
Vốn chủ sở hữu	410	21	5.308.065.937.492	5.094.436.009.925
Vốn cổ phần	411	22	4.010.930.000.000	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	292.143.085.865	292.269.641.421
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	1.616.048.235	62.592.983.652
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.003.376.803.392	730.190.384.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		685.401.290.763	695.061.316.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		317.975.512.629	35.129.067.922
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.735.797.612.249	7.494.353.261.928

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	8.324.046.858.088	8.489.278.359.306
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	10.822.182.364	37.820.855.069
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	8.313.224.675.724	8.451.457.504.237
Giá vốn hàng bán	11	26	7.279.371.596.332	7.853.547.925.733
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.033.853.079.392	597.909.578.504
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	106.637.535.389	396.976.909.824
Chi phí tài chính	22	28	420.289.193.083	450.168.003.330
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.645.952.886	67.949.740.925
Chi phí bán hàng	25	29	314.567.188.345	416.950.687.617
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	95.975.190.689	98.442.896.857
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		309.659.042.664	29.324.900.524
Thu nhập khác	31		10.208.625.272	7.196.783.786
Chi phí khác	32		3.104.637.971	2.291.717.248
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.103.987.301	4.905.066.538
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		316.763.029.965	34.229.967.062
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(1.212.482.664)	(899.100.860)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		317.975.512.629	35.129.067.922

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập



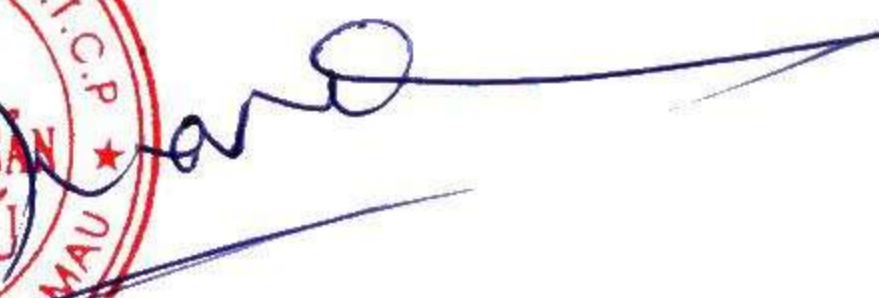
Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng





Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		316.763.029.965	34.229.967.062
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		36.320.792.511	38.205.902.769
Các khoản dự phòng	03		323.617.037.166	317.277.594.340
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(893.493.645)	2.985.154.197
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		(96.762.648)	(376.443.899)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(60.866.435.635)	(358.024.526.681)
Chi phí lãi vay	06		80.645.952.886	67.949.740.925
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		695.490.120.600	102.247.388.713
Biến động các khoản phải thu	09		(1.181.608.779.116)	(380.151.136.232)
Biến động hàng tồn kho	10		(355.528.515.263)	808.656.293.084
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		437.509.237.888	478.703.082.368
Biến động chi phí trả trước	12		4.359.576.116	1.521.419.986
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.833.095.218	-
			(397.945.264.557)	1.010.977.047.919
Tiền lãi vay đã trả	14		(80.645.952.886)	(67.949.740.925)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(10.124.457.117)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.570.000	1.219.745.163
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.943.452.785)	(13.909.771.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(491.510.100.228)	920.212.823.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(45.006.910.383)	(30.468.044.335)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.649.999.324	1.749.012.730
Tiền chi cho vay	23		(242.100.000.000)	(170.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	23		55.200.000.000	141.383.309.684
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng	23		5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25		(24.610.000.000)	(607.935.584.730)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		233.568.779.060	64.325.811.758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.298.131.999)	(596.045.494.893)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.420.444.444	10.380.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	7.431.992.678.079	6.651.838.702.164
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.718.760.536.905)	(6.901.009.712.508)
Tiền chi trả cổ tức	36	(392.445.661.674)	-
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(33.825.179.403)	(31.076.874.082)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	288.381.744.541	(269.867.884.426)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(219.426.487.686)	54.299.444.481
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	349.195.011.952	295.636.710.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.989.304.760	(741.143.012)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	131.757.829.026	349.195.011.952

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

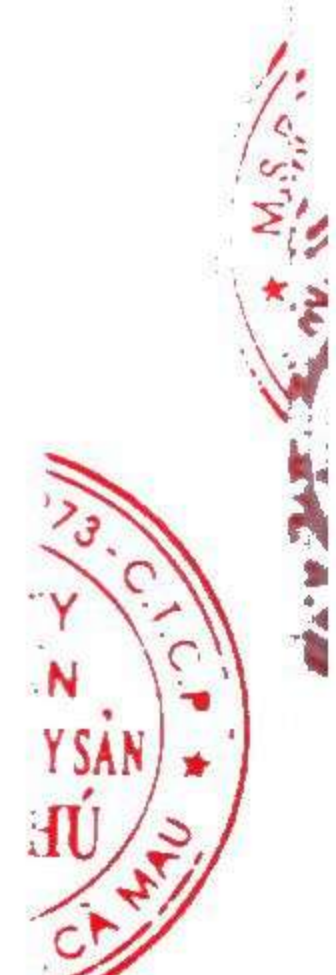


Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Tài chính (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư”) Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; xây dựng và phát triển nhà dân dụng để bán và cho thuê cùng với các cơ sở (bao gồm cơ sở thương mại) nhằm mục đích cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 6.308 nhân viên (1/1/2025: 6.315 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ngoại trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro tỷ giá hối đoái bằng các công cụ tài chính. Các khoản mục này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 2 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 12 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.690.725.263	2.304.301.241
Tiền gửi ngân hàng	108.067.103.763	58.890.710.711
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	288.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	131.757.829.026	349.195.011.952

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,0% đến 4,8% (1/1/2025: 3,8% đến 4,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	8.806.789.411	8.806.789.411
Thanh lý trong năm	(3.270.848.235)	-
Số dư cuối năm	5.535.941.176	8.806.789.411

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.580.753.017	5.580.753.017
Tăng dự phòng trong năm	1.392.941.176	-
Sử dụng dự phòng	(1.437.753.017)	-
Số dư cuối năm	5.535.941.176	5.580.753.017

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	6.500.000.000	11.500.000.000

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này không có đảm bảo và sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 6,53% đến 8,53% (2024: từ 6,53% đến 8,53%).

Biến động của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	11.500.000.000	11.500.000.000
Thanh lý trong năm	(5.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	6.500.000.000	11.500.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Các công ty con						
▪ Mseafood Corporation	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,50%	99,50%	199.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	595.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Tỉnh An Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.217.050.000.000	(815.624.486.661)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	99,84%	99,84%	274.550.000.000	(144.405.348.375)	(iii)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(914.638.795.568)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	17.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	39.500.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Tỉnh An Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	346.300.000.000	(6.753.222.687)	(iii)
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	(51.000.000)	(iii)
▪ Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)	Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Xã hội-Chuối Tôm rừng Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	66,67%	66,67%	4.000.000.000	-	(iii)
				5.953.112.034.231	(1.881.472.853.291)	

Công ty liên kết

▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)
---	------------------------------------	--------	--------	---------------	---	-------



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2025		Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty con							
▪ Mseafood Corporation		Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,50%	99,50%	199.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát)		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	595.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang		Tỉnh An Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.217.050.000.000	(646.674.196.336)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)		Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	99,83%	99,83%	264.040.000.000	(144.405.348.375)	(iii)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(793.258.581.596)	(iii)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú		Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.		Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)		Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	100,00%	100,00%	39.500.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)		Tỉnh An Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	332.200.000.000	(6.078.754.654)	(iii)
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)		Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	66,67%	66,67%	4.000.000.000	-	(iii)
					5.921.502.034.231	(1.590.416.880.961)	
Công ty liên kết							
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong		Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con và công ty liên kết khác được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.
- (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.921.502.034.231	5.311.626.449.501
Góp vốn vào các công ty con bằng tiền trong năm	24.610.000.000	603.935.584.730
Chuyển đổi khoản cổ tức phải thu từ các công ty con thành vốn góp	7.000.000.000	1.940.000.000
Mua lại cổ phần trong công ty con từ một cổ đông không kiểm soát	-	4.000.000.000
Số dư cuối năm	5.953.112.034.231	5.921.502.034.231

Không có biến động của đầu tư vào các công ty liên kết trong năm.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.590.416.880.961	1.268.492.678.589
Tăng trong năm	1.881.472.853.291	1.590.416.880.961
Hoàn nhập trong năm	(1.590.416.880.961)	(1.268.492.678.589)
Số dư cuối năm	1.881.472.853.291	1.590.416.880.961

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết có giá trị ghi sổ là 4.075.539 triệu VND (1/1/2025: 4.334.985 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	814.746.555.089	266.067.146.918
▪ Mseafood Corporation	593.671.039.958	226.962.359.273
▪ Kb Seafood Company Pty Ltd.	173.887.168.532	163.251.601.705
▪ Các khách hàng khác	382.109.560.004	340.845.942.713
	<hr/> 1.964.414.323.583	<hr/> 997.127.050.609 <hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	814.746.555.089	266.067.146.918
▪ Mseafood Corporation	593.671.039.958	226.962.359.273
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	44.616.534.545	38.774.030.268
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	8.423.029.385	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy hải sản Minh Phú	132.000.000	44.000.000
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	-	606.254.795
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	-	110.087.671
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	-	59.929.727
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2025				1/1/2025	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn						
H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 6 năm	9.485.495.710	(9.485.495.710)	-	9.485.495.710	(9.485.495.710)
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte						
Việt Nam	Trên 4 năm	1.317.053.978	(1.317.053.978)	-	1.317.053.978	-
		10.802.549.688	(10.802.549.688)	-	10.802.549.688	(9.485.495.710)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.485.495.710	9.485.495.710
Tăng dự phòng trong năm	1.317.053.978	-
Số dư cuối năm	10.802.549.688	9.485.495.710

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	34.360.000.000	10.060.000.000
Các bên thứ ba		
▪ Jiangsu Wolfkingtech Co., Ltd	13.492.692.000	-
▪ Sigma Seafood	-	8.791.658.460
▪ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Magnum	-	6.112.336.680
▪ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II	-	3.314.650.000
▪ Các nhà cung cấp khác	10.936.936.046	14.434.969.320
	58.789.628.046	42.713.614.460

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con				
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	5,0% - 6,0%	2026	175.000.000.000	1.700.000.000
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	3,8% - 6,0%	2026	149.500.000.000	151.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	6,0%	2026	5.120.000.000	17.500.000.000
			329.620.000.000	170.700.000.000

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	170.700.000.000	141.983.309.684
Tăng trong năm	242.100.000.000	170.100.000.000
Thu hồi trong năm	(55.200.000.000)	(141.383.309.684)
Cần trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với khoản phải trả cho người bán ngắn hạn	(27.980.000.000)	-
Số dư cuối năm	329.620.000.000	170.700.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải thu	148.245.472.895	63.201.628.855
Chi hộ	913.156.638	1.607.507.147
Tạm ứng cho nhân viên	1.951.863.208	1.551.426.982
Đặt cọc ngắn hạn	1.050.000.000	450.000.000
Phải thu lãi từ các khoản cho vay	2.297.766.575	110.000
Phải thu khác	5.679.012.478	6.403.315.323
	<hr/>	<hr/>
	160.137.271.794	73.213.988.307
	<hr/>	<hr/>

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	90.043.844.040	-
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	49.001.628.855	56.001.628.855
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	9.200.000.000	7.200.000.000
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	1.491.090.411	-
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	737.441.096	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	69.235.068	110.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lê Văn Quang	1.973.629.294	1.948.974.524
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty con và một thành viên Hội đồng Quản trị không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.945.500.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	441.057.357.003	(11.905.212.952)	86.041.678.347	-
Công cụ và dụng cụ	1.512.969.156	(40.838.725)	1.295.164.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.171.363.575	(493.929.496)	25.428.803.935	-
Thành phẩm	962.125.725.143	(17.411.088.509)	994.518.752.900	-
	1.462.812.914.877	(29.851.069.682)	1.107.284.399.614	-

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	32.200.032.924
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	29.851.069.682	(4.646.608.032)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(27.553.424.892)
Số dư cuối năm	29.851.069.682	-

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 9.448 triệu VND (1/1/2025: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển, khó tiêu thụ.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 489.796 triệu VND (1/1/2025: Không) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	198.303.234.036	320.455.917.659	94.274.327.767	21.018.255.690	634.051.735.152
Tăng trong năm	1.023.983.886	10.062.425.042	8.349.000.000	2.532.867.900	21.968.276.828
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.087.467.616	8.509.774.746	-	-	9.597.242.362
Thanh lý	-	(7.972.233.234)	(3.738.639.909)	-	(11.710.873.143)
Số dư cuối năm	200.414.685.538	331.055.884.213	98.884.687.858	23.551.123.590	653.906.381.199
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	110.875.510.177	253.131.053.818	55.284.109.898	16.881.029.410	436.171.703.303
Khấu hao trong năm	8.894.819.724	18.767.354.159	6.770.439.907	1.137.657.159	35.570.270.949
Thanh lý	-	(7.907.511.831)	(2.250.124.636)	-	(10.157.636.467)
Số dư cuối năm	119.770.329.901	263.990.896.146	59.804.425.169	18.018.686.569	461.584.337.785
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	87.427.723.859	67.324.863.841	38.990.217.869	4.137.226.280	197.880.031.849
Số dư cuối năm	80.644.355.637	67.064.988.067	39.080.262.689	5.532.437.021	192.322.043.414

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 285.275 triệu VND (1/1/2025: 251.603 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.322 triệu VND (1/1/2025: 19.358 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.464.359.012	21.384.442.118	35.848.801.130
Tăng trong năm	-	1.881.380.000	1.881.380.000
Số dư cuối năm	14.464.359.012	23.265.822.118	37.730.181.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.814.550.004	13.715.702.998	19.530.253.002
Khấu hao trong năm	185.541.344	1.475.211.690	1.660.753.034
Số dư cuối năm	6.000.091.348	15.190.914.688	21.191.006.036
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.649.809.008	7.668.739.120	16.318.548.128
Số dư cuối năm	8.464.267.664	8.074.907.430	16.539.175.094

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 5.267 triệu VND (1/1/2025: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.548 triệu VND (1/1/2025: 1.610 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	82.611.181.002	100.424.595.075
Tăng trong năm	34.217.387.551	19.748.800.937
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.597.242.362)	(36.716.837.909)
Xóa sổ	-	(845.377.101)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	107.231.326.191	82.611.181.002

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Hệ thống xử lý nước thải	92.339.826.191	69.852.213.386
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Cải tạo văn phòng	-	1.087.467.616
Máy móc	3.220.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	107.231.326.191	82.611.181.002

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.543.261.900	13.034.325.864	33.577.587.764
Tăng trong năm	-	3.805.290.226	3.805.290.226
Phân bổ trong năm	(491.342.905)	(8.411.507.407)	(8.902.850.312)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.051.918.995	8.428.108.683	28.480.027.678

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.013.500.333	-
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	685.322.269	607.875.466
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	33.478.195	43.648.065
	<hr/> 1.732.300.797	<hr/> 651.523.531
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(131.705.398)
	<hr/> 1.732.300.797	<hr/> 519.818.133

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú – Hậu Giang	723.296.983.510	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	25.870.000.000	23.240.000.000
▪ Các nhà cung cấp khác	143.986.734.588	103.913.479.900
	<hr/> 893.153.718.098	<hr/> 127.153.479.900
Số có khả năng trả nợ	<hr/> 893.153.718.098	<hr/> 127.153.479.900

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú – Hậu Giang	723.296.983.510	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	25.870.000.000	23.240.000.000
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát)	8.045.574.281	-
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú	5.432.996.398	5.787.027.687
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	3.696.420.315	1.307.405.340
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.512.625.503	1.304.587.754
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	1.444.703.400	13.788.904.193
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	96.916.613	77.537.477
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	65.394.900	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	29.555.810	-

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 bị quá hạn.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	9.342.099.886	9.371.363.184	(16.007.177.907)	-	2.706.285.163
Thuế giá trị gia tăng	-	57.630.357.611	-	(57.630.357.611)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	340.717.021	-	(340.717.021)	-
Thuế nhập khẩu	-	-	(87.824.670)	87.824.670	-
	9.342.099.886	67.342.437.816	(16.095.002.577)	(57.883.249.962)	2.706.285.163

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	74.540.245.805	216.719.493.099	(1.985.353.084)	(57.630.357.611)	231.644.028.209

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.671.630	-	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	87.824.670	849.053.363
Các loại thuế khác	3.877.153.278	(340.717.021)	3.536.436.257
	4.844.053.601	(252.892.351)	4.591.161.250

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	2.601.048.425	294.773.460.099
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	2.629.051.632	3.967.549.309
Phải trả khác	667.558.205	667.557.155
	5.897.658.262	299.408.566.563

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm			Chênh lệch đánh giá lại VND	31/12/2025 VND
	1/1/2025 VND	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	1.627.445.939.754	7.431.992.678.079	(6.718.760.536.905)	(1.253.580.663)	2.339.424.500.265
Số có khả năng trả nợ	1.627.445.939.754				2.339.424.500.265

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2025	2024	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,40% - 4,60%	3,20% - 3,80%	1.316.365.977.653	344.206.733.587
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,65% - 4,30%	3,80% - 4,00%	417.488.462.057	817.317.870.236
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	4,40% - 4,90%	-	441.152.267.753	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,40% - 4,60%	3,50% - 3,80%	46.133.580.346	391.719.803.534
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	4,60% - 4,85%	-	34.802.721.525	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,90% - 4,10%	3,80% - 4,00%	83.481.490.931	74.201.532.397
				2.339.424.500.265	627.445.939.754

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngắn hạn này được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 5(c))
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	45.535.986.569	36.194.142.791
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	13.889.769.390	19.388.032.735
Hoàn nhập quỹ (Thuyết minh 21) (*)	(45.535.986.559)	-
Tăng khác	24.570.000	883.819.000
Sử dụng trong năm	(10.539.866.985)	(10.930.007.957)
Số dư cuối năm	3.374.472.415	45.535.986.569

(*) Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 45.536 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	15.781.800.630	1.106.567.952.233	5.413.622.394.284
Phát hành cổ phiếu	10.510.000.000	(130.000.000)	-	-	10.380.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	35.129.067.922	35.129.067.922
Cổ tức (*)	-	-	-	(300.703.725.000)	(300.703.725.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	77.552.130.941	(77.552.130.941)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(19.388.032.735)	(19.388.032.735)
Sử dụng quỹ	-	-	(31.076.874.082)	-	(31.076.874.082)
Tặng khác	-	-	335.926.163	-	335.926.163
Các điều chỉnh khác	-	-	-	(13.862.746.627)	(13.862.746.627)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.009.383.000.000	292.269.641.421	62.592.983.652	730.190.384.852	5.094.436.009.925
Phát hành cổ phiếu	1.547.000.000	(126.555.556)	-	-	1.420.444.444
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	317.975.512.629	317.975.512.629
Cổ tức (*)	-	-	-	(100.273.250.000)	(100.273.250.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	35.441.227.638	(35.441.227.638)	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	(62.592.983.652)	62.592.983.652	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(13.889.769.390)	(13.889.769.390)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	45.535.986.559	45.535.986.559
(**)	-	-	-	-	(33.825.179.403)
Sử dụng quỹ	-	-	(33.825.179.403)	-	(33.825.179.403)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	(3.313.817.272)	(3.313.817.272)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.010.930.000.000	292.143.085.865	1.616.048.235	1.003.376.803.392	5.308.065.937.492

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Ngày 5 tháng 12 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền cho các cổ đông là 100.273 triệu VND, tương đương 250 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (2024: là 300.704 triệu VND, tương đương 750 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023).
- (**) Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 62.593 triệu VND và 45.536 triệu VND.

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	292.143.085.865	-	292.269.641.421

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2025		2024	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	400.938.300	4.009.383.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	154.700	1.547.000.000	1.051.000	10.510.000.000
Số dư cuối năm	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	9.696.850.560	19.296.850.560
Từ hai đến năm năm	2.496.850.560	5.201.772.000
	12.193.701.120	24.498.622.560

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
JPY	568.169.896	95.452.542.528	327.544.012	53.389.673.956
USD	402.500	10.574.886.967	62.933	1.600.392.039
EUR	3.954	121.782.584	29.478	784.122.248
CAD	139	2.663.808	1.230	21.187.826
AUD	3	45.760	64	1.015.150
		106.151.921.647		55.796.391.219

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Hợp đồng cam kết bán JPY	137.678.704.000	104.849.970.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	48.732.378.363	654.545.455

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	7.591.106.541.215	7.674.771.840.467
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	719.173.452.398	797.915.282.847
▪ Phế liệu đã bán	13.766.864.475	16.591.235.992
	8.324.046.858.088	8.489.278.359.306
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	10.822.182.364	37.082.765.882
▪ Chiết khấu thương mại	-	546.275.736
▪ Giảm giá hàng bán	-	191.813.451
	10.822.182.364	37.820.855.069
Doanh thu thuần	8.313.224.675.724	8.451.457.504.237

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	6.556.095.799.893	7.100.788.770.346
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	693.424.726.757	757.405.763.419
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.851.069.682	(4.646.608.032)
	<hr/> 7.279.371.596.332	<hr/> 7.853.547.925.733 <hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Cổ tức	44.880.000.000	350.628.844.040
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	15.985.837.935	7.232.006.041
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	43.864.392.727	38.202.696.209
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.011.457.582	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	893.493.645	304.662.363
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	597.700	163.676.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.755.800	445.024.571
	<hr/> 106.637.535.389	<hr/> 396.976.909.824 <hr/>

28. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	292.448.913.506	321.924.202.372
Chi phí lãi vay	80.645.952.886	67.949.740.925
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	47.190.161.018	57.003.444.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	3.289.816.560
Chi phí tài chính khác	4.165.673	798.823
	<hr/> 420.289.193.083	<hr/> 450.168.003.330 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí vận chuyển	140.169.008.261	207.999.764.573
Chi phí thuê kho	39.013.673.005	80.899.878.436
Chi phí hoa hồng	43.086.738.371	42.595.863.781
Chi phí nhân viên	18.941.496.238	19.531.955.122
Chi phí bán hàng khác	73.356.272.470	65.923.225.705
	314.567.188.345	416.950.687.617

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	48.556.035.385	54.750.497.808
Dụng cụ văn phòng	11.970.996.978	13.613.681.540
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.344.401.553	8.506.375.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.337.617.187	7.240.577.018
Phí ngân hàng	1.935.642.751	2.102.503.100
Dự phòng phải thu khó đòi	1.317.053.978	-
Chi phí quản lý khác	18.513.442.857	12.229.262.286
	95.975.190.689	98.442.896.857

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại và chi phí nguyên vật liệu đã bán	6.340.822.911.424	6.068.707.862.342
Chi phí nhân công và nhân viên	837.916.704.401	831.600.054.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.286.378.580	469.192.506.549
Chi phí khấu hao và phân bổ	36.320.792.511	38.205.902.769
Chi phí khác	107.916.720.333	96.898.684.519

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025 VND	2024 VND
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(1.212.482.664)	(899.100.860)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	316.763.029.965	34.229.967.062
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	31.676.302.997	3.422.996.706
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.129.388.318	1.006.495.503
Thu nhập không bị tính thuế	(4.488.059.770)	(35.079.252.064)
Sử dụng lỗ tính thuế	(28.452.948.862)	-
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời	(2.077.165.347)	29.750.658.995
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.212.482.664)	(899.100.860)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	20.771.653.470	2.077.165.347
Lỗ tính thuế	128.823.165.531	12.882.316.553	456.856.067.177	45.685.606.718
	128.823.165.531	12.882.316.553	477.627.720.647	47.762.772.065

Trong năm 2025, 43.503 triệu VND lỗ tính thuế không được chuyển tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2029	Chưa quyết toán	128.823.165.531

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	305.808.143.041	389.511.540.670
Cổ tức đã được công bố	23.880.000.000	13.650.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	6.300.000.000	7.200.000.000
Chi phí thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát)		
Bán thành phẩm	21.697.664.880	23.924.818.149
Góp vốn	-	311.549.398.531
Chi phí thuê nhà xưởng	8.100.000.000	9.600.000.000
Thanh lý tài sản cố định	1.900.000.000	-
Chi phí thuê xe	200.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	220.000.000
Thu nhập khác	319.453.736	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		
Bán thành phẩm	1.025.234.064.146	970.501.280.890
Bán nguyên vật liệu	12.469.987.495	-
Mua thành phẩm	692.410.343.179	759.334.275.932
Mua nguyên vật liệu	1.329.541.077	-
Cổ tức nhận được	180.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố	-	270.043.844.040
Bán tài sản cố định	1.200.000.000	1.842.500.000
Thu nhập từ phí thí nghiệm	1.785.000.000	-
Chi phí thuê xe	400.000.000	-
Chi phí khác	1.808.297.674	887.100.435
Thu nhập khác	622.934.785	-
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	81.697.775.445	101.736.831.101
Cho vay	185.000.000.000	32.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	11.700.000.000	30.300.000.000
Thu nhập lãi cho vay	6.589.276.713	262.471.232
Góp vốn	-	166.526.186.199
Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	10.510.000.000	27.000.000.000
Mua dịch vụ	719.278.529	1.007.001.295
Mua nguyên vật liệu	367.514.360	507.250.556
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	30.380.549.970	37.141.130.078
Cho vay	41.500.000.000	127.600.000.000
Thu hồi khoản cho vay	43.500.000.000	105.083.309.684
Thu nhập lãi cho vay	6.904.055.616	5.159.170.929
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	1.378.380.673.172	1.127.593.960.170
Hàng bán bị trả lại	-	33.364.298.040
Thu nhập khác	177.400.551	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	18.493.634.530	21.447.039.150
Mua nguyên vật liệu	84.897.352.481	66.798.795.786
Phí xét nghiệm	1.065.600.000	1.353.600.000
Phí chứng nhận hàng hóa	1.920.748.345	1.007.001.285
Cổ tức đã được công bố	-	27.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Ebisumo Logistic Co., Ltd.		
Bán thành phẩm	320.555.292.281	235.996.905.390
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	81.172.955.000	60.781.405.500
Mua dịch vụ	713.003.210	263.216.113
Cổ tức đã được công bố	-	4.500.000.000
Góp vốn	-	2.500.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú		
Cổ tức đã được công bố	-	25.235.000.000
Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	969.065.481.684	525.991.680.949
Mua dịch vụ	11.485.568.967	15.554.411.301
Cổ tức đã được công bố	6.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	14.100.000.000	98.300.000.000
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	17.855.391.489	21.518.475.996
Chi phí thuê xe	340.000.000	480.000.000
Cổ tức đã công bố	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		
Mua dịch vụ	3.961.401.252	-
Cho vay	15.600.000.000	10.500.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	6.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	790.998.629	507.565.753
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Cổ tức đã được công bố	9.000.000.000	7.200.000.000
Góp vốn	7.000.000.000	-
Công ty liên kết gián tiếp		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	30.878.665.286	45.282.156.173

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Chi phí thuê văn phòng	4.260.732.600	3.942.862.100
Các cổ đông chính		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Cổ tức công bố	35.100.000.000	105.300.000.000
Chu Thị Bình		
Cổ tức công bố	17.592.915.000	52.772.145.000
Mua lại cổ phần trong một công ty con	-	4.000.000.000
Lê Văn Quang		
Cổ tức công bố	16.119.725.000	48.351.600.000

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và các khoản phụ cấp trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Quang	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Điệp	150.000.000	150.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	300.000.000	325.000.000
Bà Hồ Thu Lê	300.000.000	325.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	300.000.000	325.000.000
Ông Sasaki Takahiro	300.000.000	325.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	200.000.000	167.916.667
Bà Lê Thị Dịu Minh (từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)	79.000.000	-
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)	71.000.000	150.000.000
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	145.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	2025 VND	2024 VND
Ban Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	1.224.929.185	1.531.040.109
Bà Chu Thị Bình	1.206.151.843	1.285.073.613
Ông Lê Văn Điệp	3.567.689.678	3.746.085.530
Ông Lê Ngọc Anh (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	328.250.000
Bà Lê Thị Dịu Minh	977.837.438	1.009.428.834
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)	554.400.000	-
Ông Tsunoda Norihisa (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)	277.200.000	900.900.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)	11.700.000	24.350.000
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	437.490.783	439.462.983
Bà Lâm Thị Thúy Kiều	326.873.802	338.841.858
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	48.000.000	48.000.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Mua xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình nhưng chưa thanh toán	34.746.465.170	3.544.706.487
Cần trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với phải trả người bán ngắn hạn	27.980.000.000	-
Chuyển đổi cổ tức phải thu từ các công ty con thành vốn góp	7.000.000.000	-
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.000.000.000	-
Cần trừ khoản cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản người mua trả tiền trước	-	22.235.422.605
Chuyển đổi khoản phải thu từ các công ty con thành vốn góp	-	1.940.000.000

(tiếp theo)

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin so sánh ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang theo dõi sát sao tình hình địa chính trị ở Trung Đông và chủ động quản lý tác động của sự kiện này bằng cách (1) liên lạc với các khách hàng chính và điều chỉnh các thỏa thuận vận chuyển nếu cần thiết; (2) quản lý chi phí để giảm thiểu tác động tài chính; và (3) điều chỉnh chiến lược kinh doanh nếu sự kiện này tiếp tục kéo dài.

Phó Tổng Giám đốc



THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ năm 2025 so với cùng kỳ đã kiểm toán)

KÍNH GỬI : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a, b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ năm 2025 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
Lợi nhuận sau thuế	317.975.512.629	35.129.067.922

Nguyên nhân:

- Do Công ty chủ động đẩy mạnh sản xuất và bán các mặt hàng giá trị gia tăng với giá trị lớn làm cho tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu tăng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.
- Do Công ty kiểm soát tốt dòng tiền và các yếu tố chi phí góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ có lãi cao trong năm và tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :
- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2026
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
CHỦ TỊCH TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN ĐIỆP

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 02903.838262 Fax 02903.833.119
Số: 06/2025/UQKBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

TÔI: LÊ VĂN QUANG

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ thường trú: 82 đường số 2, Cư xá Đô Thành, phường Bàn Cờ, TP. HCM, VN

Chức vụ: Tổng giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 24/09/2025).

Trong phạm vi quyền hạn của mình, tôi ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP được quyền thay tôi đại diện Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

- Ký các hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán, các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú
- Thời hạn ủy quyền từ ngày ký văn bản ủy quyền đến hết ngày 01/01/2029

Ông **Lê Văn Điệp** có nghĩa vụ: (i) nỗ lực thực hiện, hoàn thành công việc được ủy quyền; (ii) kiểm tra, giám sát, thực hiện các công việc được ủy quyền trên đảm bảo lợi ích cao nhất của công ty; (iii) thực hiện theo đúng điều lệ công ty cũng như quy định của pháp luật có liên quan về các công việc nêu trên và (iv) chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc và pháp luật về công việc được ủy quyền trên.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên ./.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIỆP